

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **30** /2016/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **31** tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý tài chính**  
**Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 81/TT- KHHCN ngày 25/7/2016, Báo cáo số 99/BC-KHHCN ngày 14/10/2016 của Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên và Báo cáo số 155/BC-STP ngày 18/7/2016 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hội đồng quản lý Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Cơ quan điều hành Quỹ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

T102016-QĐ(10)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc

**QUY CHẾ**

**Quản lý tài chính Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2016/QĐ-UBND ngày 31 /10/2016  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng vốn, quản lý tài chính và chế độ tài chính, kế toán đối với hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Quỹ).

**Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ**

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ.
2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đề xuất hỗ trợ được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng.
3. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG**

**Điều 3. Nguồn vốn của Quỹ**

Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp:
  - a) Vốn điều lệ của Quỹ được cấp một lần từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh nhằm thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.
  - b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tỉnh trực tiếp quản lý và chi hoạt động quản lý của Quỹ.
  - c) Các nguồn ngân sách khác.

## 2. Các nguồn vốn khác:

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

b) Nhận ủy thác của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, tỉnh;

c) Kinh phí được điều chuyển từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh trực tiếp quản lý.

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước.

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Nguyên tắc sử dụng vốn**

Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Bảo toàn vốn điều lệ, không vì mục đích lợi nhuận.
2. Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả kinh tế xã hội.
3. Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí.
4. Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN**

#### **Điều 5. Quản lý vốn vay và bảo lãnh vốn vay**

##### 1. Đối tượng

a) Đối tượng cho vay: Các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Đối tượng bảo lãnh vốn vay: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt do Chủ tịch UBND tỉnh giao.

##### 2. Điều kiện đăng ký vay và bảo lãnh vốn vay

a) Tổ chức và cá nhân đề xuất vay vốn của Quỹ hoặc được Quỹ bảo lãnh vốn vay phải tuân theo các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Có đội ngũ cán bộ đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ KH&CN đã hoặc đang được Quỹ cấp kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước.

d) Có hồ sơ theo quy định.

e) Nếu là cá nhân lập hồ sơ xin vay vốn. Hồ sơ cần có thêm:

- Hợp đồng nghiên cứu/ứng dụng với 01 doanh nghiệp hoạt động có lãi 03 năm liên tục gần nhất đã được kiểm toán.

- Bản cam kết của doanh nghiệp (có hợp đồng kể trên) về việc doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay của Quỹ thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân không trả được nợ vay.

3. Quy định về hoạt động cho vay và bảo lãnh vốn vay của Quỹ

Hoạt động cho vay và bảo lãnh vốn vay của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

#### **Điều 6. Tài trợ kinh phí**

1. Đối tượng tài trợ

Các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh Thái Nguyên.

2. Điều kiện đăng ký tài trợ

a) Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức và cá nhân đăng ký tài trợ nâng cao năng lực nghiên cứu KH&CN phải có chuyên môn phù hợp với loại hình đề nghị tài trợ.

c) Các nhiệm vụ KH&CN đăng ký tài trợ không được trùng lặp với các nhiệm vụ KH&CN đã hoặc đang được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

d) Có hồ sơ đề nghị tài trợ theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ và có tính khả thi được Hội đồng thẩm định tham mưu đề nghị mức kinh phí tài trợ để trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định.

3. Quy định về hoạt động tài trợ kinh phí

Hoạt động tài trợ kinh phí của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

## **Điều 7. Hỗ trợ kinh phí**

### **1. Đối tượng hỗ trợ**

Hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, Các nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức KH&CN công lập.

### **2. Điều kiện đăng ký hỗ trợ**

a) Tổ chức và cá nhân đăng ký hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh phải có chuyên môn phù hợp với loại hình đề nghị hỗ trợ.

b) Có hồ sơ đề nghị hỗ trợ và được cơ quan điều hành Quỹ xem xét và trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

### **3. Quy định về hoạt động hỗ trợ kinh phí**

a) Quỹ hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, cụ thể như: Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam; tham dự và trình bày báo cáo khoa học (oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài của các nhà khoa học; thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của nhà khoa học, nghiên cứu sinh đang thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện; công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ, cấp kinh phí thực hiện; hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm của nhà khoa học đầu ngành; hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

## **Điều 8. Quản lý cấp kinh phí của Quỹ**

### **1. Đối tượng cấp kinh phí**

a) Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

b) Các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý hoặc đồng quản lý.

c) Nhiệm vụ KH&CN khác có liên quan.

### **2. Quy định cấp, thu hồi kinh phí, xử lý sai phạm**

Quy trình cấp, thu hồi kinh phí và xử lý sai phạm được thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên và các văn bản khác của pháp luật liên quan.

## **Điều 9. Quyết toán kinh phí**

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN giao cho đơn vị nào thì đơn vị đó có trách nhiệm quyết toán theo các quy định.

2. Hình thức quyết toán

a) Quyết toán kinh phí cấp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

- Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Việc quyết toán kinh phí được thực hiện theo phương thức quyết toán toàn bộ sau khi nhiệm vụ KH&CN được hoàn thành và nghiệm thu từ “Đạt” trở lên. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi.

- Các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước khoán chi từng phần: Việc quyết toán kinh phí được thực hiện sau khi nhiệm vụ KH&CN được hoàn thành và nghiệm thu từ “Đạt” trở lên. Quyết toán theo phương thức quyết toán tổng hợp các nội dung được khoán chi và nội dung không được khoán chi. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi.

b) Quyết toán kinh phí tài trợ, hỗ trợ cho các dự án KH&CN

Việc quyết toán kinh phí tài trợ, hỗ trợ cho các dự án KH&CN được tiến hành theo Hợp đồng tài trợ, hỗ trợ kinh phí và các quy định khác của Pháp luật.

c) Tổ chức quyết toán

Quý thực hiện việc kiểm tra báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng kinh phí được cấp từ Quý. Lập báo cáo quyết toán tài chính của quý, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Sở KH&CN có trách nhiệm thẩm tra và ra thông báo phê duyệt quyết toán tài chính của Quý.

3. Nhiệm vụ KH&CN chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã cấp lần trước. Kinh phí của mỗi nhiệm vụ được giữ lại 10 - 20% trên tổng kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học của tỉnh, phần này sẽ được cấp tiếp sau khi nghiệm thu kết quả và quyết toán số kinh phí được duyệt với kết quả “Đạt” trở lên.

## **Điều 10. Quản lý chi phí hoạt động quản lý của Quý (chi phí thường xuyên)**

1. Đối tượng

- Các hoạt động của Bộ máy quản lý và điều hành Quý Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

## 2. Quy định về hoạt động

### a) Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí hoạt động của Quỹ được hình thành từ:

- Lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và các khoản thu nhập hợp pháp khác từ quỹ.
- Ngân sách cấp bổ sung từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### b) Nội dung chi:

\* Chi cho bộ máy quản lý, điều hành Quỹ:

- Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ (có Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán).

- Chi lương, các khoản theo lương, chi khác cho các cán bộ chuyên môn.
- Chi hợp hội đồng KH&CN (hội đồng thẩm định, đánh giá, nghiệm thu,...).
- Chi phí đi lại, công tác phí (đi công tác, thu hồi nợ, thu hồi lãi vay,...).
- Chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng,... tài sản, trang thiết bị, vật tư văn phòng.
- Chi thanh toán các dịch vụ: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc, giao dịch, cước phí bưu chính, điện, nước... cho các hoạt động của Quỹ.

- Chi hội thảo, hội nghị.

- Chi công tác phí.

- Chi thuê mướn phương tiện vận chuyển, ô tô công tác, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê lao động chuyên gia,...

- Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm.

- Chi cho việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động của Quỹ.

- Các khoản chi khác: Vật tư văn phòng phẩm, tiếp khách, chè nước,...

\* Chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ:

- Chi phí huy động vốn, chi phí ủy thác.

- Chi cho các hoạt động về thẩm định cho vay, thanh kiểm tra, thu hồi nợ đối với các đề tài/dự án cho vay vốn Quỹ.

- Chi phí thu các khoản phạt đối với đối tượng vay vốn.

- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro.

- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác.

c) Chế độ quản lý chi tiêu hoạt động quản lý và điều hành Quỹ được thực hiện theo quy định về chế độ, định mức tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.



### **Điều 11. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro**

1. Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay, bảo lãnh vốn vay, tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí của Quỹ như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất.

2. Hàng năm, Quỹ dự phòng rủi ro được bổ sung từ nguồn lãi cho vay, lãi tiền gửi, nguồn sự nghiệp khoa học hàng năm và các nguồn khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

3. Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hàng năm nhưng tối thiểu bằng 0,2% tổng số vốn điều lệ Quỹ. Việc trích lập được thực hiện mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

4. Kết thúc năm tài chính, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ dự phòng được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

## **Chương IV**

### **CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN**

#### **Điều 12. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ**

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

2. Hàng năm, Quỹ lập dự toán nguồn thu và dự kiến chi đối với hoạt động cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và hoạt động quản lý Quỹ gửi Sở KH&CN tổng hợp chung gửi Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

3. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ được tổng hợp chung vào báo cáo tài chính của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Chi hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ được sử dụng từ ngân sách Nhà nước và nguồn thu của Quỹ (nếu có). Định mức chi được tính theo định mức chi đối với đơn vị sự nghiệp.

#### **Điều 13. Chuyển vốn dư**

Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp (năm tài chính của Quỹ được tính theo năm dương lịch, từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm).

#### **Điều 14. Kiểm tra tài chính**

Hàng năm Quỹ phải thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước” ban hành kèm theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.

Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành.



## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 15. Tổ chức thực hiện

Ban kiểm soát quỹ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động về tài chính của Quỹ.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

Trường hợp các cơ chế, chính sách, văn bản được dẫn chiếu và có liên quan trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo chế độ, chính sách, văn bản mới ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN phản ánh về Cơ quan điều hành Quỹ để tổng hợp báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ nghiên cứu giải quyết hoặc kiến nghị UBND tỉnh xem xét quyết định./.

*lwb*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc